Thø ba ngµy 9 th¸ng 8 n¨m 2023

**Tiết 1 Toán**

**BÀI 3: CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ**

**TIẾT 2: SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\***Kiến thức, kĩ năng:**

- HS nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.

- Tính được hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.

**\*Phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực tính toán.

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bộ đồ dùng học Toán 2, GAĐT.

- HS: SHS, vở ô li, VBT, bảng con,....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động** |  |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Đi tìm kho báu***  *- GV giới thiệu trò chơi: Mở đầu tiết học cô trò chúng mình cùng đến với trò chơi khởi động có tên Đi tìm kho báu. Cô tin rằng trò chơi này sẽ giúp chúng ta có một tâm thế thật thoải mái để bắt đầu bài học hiệu quả đấy. Các em đã sẵn sàng chưa?*  *- Các em đã cùng quan sát trên màn hình.*  *- G giới thiệu: Dưới đáy đại dương bao la có một kho báu đựng rất nhiều vàng. Ôi! Chìa khóa mở kho báu đã bị thất lạc mất rồi. Các em hãy giúp bạn cá heo tìm chiếc chìa khóa bằng cách trả lời các câu hỏi sau nhé!*  *- Cô mời 1 bạn đọc nhiệm vụ 1 (G chiếu câu hỏi 1)* | - HS tham gia trò chơi  - H đồng thanh đáp: Sẵn sàng ạ. |
| **Câu 1:** Chọn phép tính phù hợp với bức tranh sau:  3 + 2 ; 5 – 2  *- G nhận xét kết hợp chiếu video mô phỏng: Rất tốt! Cô đồng ý với ý kiến của em. Chúng ta cùng kiểm tra lại nào. Trên cành cây có 5 con chim, 2 con chim bay đi nên bạn chọn phép trừ là rất đúng. Vậy là chúng mình đã tìm được chiếc chìa khóa thứ nhất rồi đấy. Chúng mừng các em.*  *- Tiếp tục nào. Nhiệm vụ thứ hai cũng tương tự như nhiệm vụ thứ nhất. Các em hãy quan sát tranh sau (chiếu CH2). Bạn nào có câu trả lời rồi.*  **Câu 2:** Chọn phép tính phù hợp với bức tranh sau: 2 + 3 ; 5 - 3  *- G nhận xét kết hợp chiếu video mô phỏng: Em giỏi lắm. Có 5 quả trứng gà, có 3 quả trứng đã nở thành gà con, em chọn tính 5 - 3 là rất chính xác. Chúc mừng em đã giúp bạn Cá Heo tìm được chiếc chìa khóa thứ 2.*  *- Chúng mình cùng chuyển sang nhiệm vụ tiếp theo nhé. Cô mời 1 bạn đọc nhiệm vụ 3.*  **Câu 3**: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống:  Trong phép tính: 22 + 6 = 28.  Số 22 gọi là……  Số 28 gọi là…..  Số 6 gọi là…….  22 + 6 gọi là……  ? Bạn nào có câu trả lời rồi  ? Nhận xét câu trả lời của bạn  *- Chúng ta cùng kiểm tra đáp án nhé. Chúc mừng các em đã tìm được chiếc chìa khóa thứ 3 giúp bạn cá heo. Còn 1 thử thách cuối cùng nữa, cô trò mình cùng vượt qua nhé. Cô mời 1 bạn đọc nhiệm vụ 4 nào.*  **Câu 4:** Ghép các thẻ số, thẻ dấu thích hợp để tạo thành phép trừ có kết quả đúng  12; 2; 10 và dấu -; = | - Thưa cô, trên cành cây có 5 con chim, có 2 con chim bay đi nên em chọn phép tính trừ 5 - 2 ạ.  - Có 5 quả trứng gà, có 3 quả trứng gà đã nở thành con nên em chọn phép tính 5 - 3 ạ.  - Trong phép tính 22 + 6 = 28  Số 22 gọi là *số hạng*  Số 28 gọi là *tổng*  Số 6 gọi là *số hạng*  22 + 6 gọi là *tổng*  - H khác nhận xét.  - Thưa cô, em ghép được phép tính 12 - 2 = 10 và phép tính 12 - 10 = 2 ạ. |
| *- Chính xác. Em giỏi quá! Cô chúc mừng các em đã vượt qua 4 thử thách để tìm được 4 chiếc chìa khóa mở kho báu. Bạn Cá heo gửi lời cảm ơn tới các bạn nhỏ 2C nhé.*  *Vậy để biết 12, 2, và 10 được gọi là gì trong phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu qua* | - HS lắng nghe |
| **Bài 3: Các thành phần của phép cộng, phép trừ - Tiết 2:** **SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU** |  |
| - GV ghi tên bài. | - HS nhắc lại (3 em). |
| **2. Khám phá:** |  |
| - Trước tiên cô cùng các em đến với phần khám phá  - GV đưa bức tranh phần khám phá lên màn hình cho HS quan sát.  + Các em hãy quan sát bức tranh trong SGK và cho cô biết em nhìn thấy gì?  + Lúc đầu có tất cả bao nhiêu con chim?  + Có mấy con chim bay đi?  + Bạn Rôbôt hỏi gì?  - Dựa vào bức tranh trên em nào có thể nêu bài toán ?  - Nhận xét câu trả lời của bạn?  - GV đưa bài toán lên màn hình và yêu cầu H đọc lại bài toán.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Để trả lời câu hỏi của bạn Rô bốt cũng như câu hỏi của bài toán, các em làm phép tính gì? Hãy suy nghĩ rồi viết phép tính vào bảng con.  + Tại sao em làm phép tính 12 - 2 = 10 ?  ? Nhận xét câu trả lời của bạn  - Cô cũng đồng ý với câu trả lời của bạn. Vậy là chúng ta đã tìm ra câu trả lời giúp bạn Rô bốt rồi đấy. ***Trên cành cây còn lại 10 con chim.***  ? Em hãy đọc lại phép tính của mình.  - GV ghi (chiếu) phép tính lên bảng:  12 – 2 = 10  ? Em hãy nói cho cô biết, phép trừ em vừa đọc được ghi bởi những số và dấu như thế nào?  *- G: Chúng ta thấy dấu trừ đặt giữa số 12 và số 2. Dấu bằng đặt giữa phép tính 12 - 2 và kết quả là 10. Dấu bằng cho chúng ta biết khi thực hiện phép tính 12 - 2 thì được kết quả là 10, đúng không nào? Bây giờ các em hãy quan sát và lắng nghe xem, trong Toán học người ta gọi tên các thành phần và kết quả của Phép trừ bằng từ ngữ gì nhé* ***(G*** ***lần lượt cho hiện ra màn hình đồng thời viết lên bảng)*** | ***+*** Tranh vẽ có một số con chim đang đậu trên cành cây và có hai con chim đang bay đi.  + Lúc đầu có 12 con chim đậu trên cành.  + Có 2 con chim bay đi.  + Lúc này trên cành còn lại mấy con chim?  - Lúc đầu trên cành cây có 12 con chim. Có 2 con chim bay đi. Hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con chim?  - nhận xét và đọc lại bài toán  ***+*** Bài toán cho biết : Lúc đầu trên cành cây có 12 con chim. Có 2 con chim bay đi.  + Bài toán hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con chim?  - H viết phép tính ra bảng con:  12 – 2 = 10  - Em lấy 12 con chim trừ đi 2 con chim bay đi. Còn lại 10 con chim ạ.  - H nhận xét.  - H đọc:  - Phép trừ em vừa đọc được ghi bởi các số 12, 2 và 10, các dấu - và dấu bằng ạ. |
| ***+ Trong phép trừ 12 – 2 = 10, số 12 đứng trước dấu - gọi là số bị trừ, số 2 đứng sau dấu trừ gọi số trừ và số 10 sau dấu bằng gọi là hiệu.***  ***+ Lưu ý: Trong phép trừ trên 10 gọi là hiệu của 12 với 2 nên 12 – 2 cũng gọi là hiệu).***    - Y/c H nhắc lại.  - Y/c HS: Đặt tính và tính: 12 - 2 = 10  - G giơ bảng mẫu: ? Em hãy gọi tên các số có trong phép trừ.  => ***Chốt: Tên gọi các số đó trong phép trừ ngang hay dọc đều như nhau.***  - Tương tự như trên, bạn nào nêu cho cô tên gọi của thành phần và kết quả của phép trừ này. ***(G chiếu phép trừ: 37 - 15 = 22)***  ***? Nhận xét bạn trả lời.***  ***=>*** *Qua các ví dụ trên, cô tin rằng các em đã biết xác định SBT, ST, Hiệu trong phép trừ rồi đấy. Bây giờ cô mời các em hãy suy nghĩ và ghi lại 1 phép tính trừ ra bảng con*  ? Đọc cho cô phép tính của em  ? Em hãy nêu tên gọi của thành phần và kết quả của phép tính này  ? Cô muốn nghe thêm 1 bạn khác nữa nhé  ? Cô thấy bài của bạn…. như sau. Bạn chưa kịp ghép kết quả của phép tính….. Ai giúp bạn tính hiệu ….. nào?  ? Trong phép tính:……. Thì số…. được gọi là gì?  - Qua các ví dụ trên, muốn tìm hiệu em làm thế nào?  - G nhận xét  **🡪 GV chốt***:* ***Trong phép trừ có các thành phần là số bị trừ, số trừ và hiệu. Tên gọi các thành phần trong phép trừ ngang hay dọc đều như nhau. Muốn tìm Hiệu ta lấy SBT - ST.*** | - HS nêu lại theo dãy: **Trong phép trừ: 12 - 2 =10**  ***+ 12 là số bị trừ***  ***+ 2 là số trừ***  ***+ 10 là hiệu***  ***+ 12 - 2 cũng gọi là hiệu***  - H làm bảng con.  - H nêu.  - HS nêu: ***Trong phép trừ 37 - 15 = 22, 37 là số bị trừ, 15 là số trừ và 22 là hiệu.***  - H nhận xét.  - HS viết phép tính ra bảng con.    - HS đọc và nêu thành phần.  VD1: ***Em tìm phép trừ 16 – 12 = 4, 16 là số bị trừ, 12 là số trừ và 4 là hiệu; 16 - 12 cũng gọi là hiệu***  - H nêu VD 2: ***Em tìm phép trừ 9 – 3 = 6, 9 là số bị trừ, 3 là số trừ và 6 là hiệu; 9 - 3 cũng gọi là hiệu.***  - H: Em tính được……. =…..  - H: số ….. được gọi là Hiệu  + Muốn tìm hiệu em lấy số bị trừ trừ đi số trừ.  - 2,3 H nhắc lại. |
| **3. Hoạt động (13 - 15’)**  *- G: Qua phần khám phá vừa rồi, cô thấy các em đã nắm rất chắc kiến thức của bài học rồi đấy. Chúng ta tiếp tục sang phần hoạt động. Phần hoạt động hôm nay có 3 bài tập, cô trò mình vào bài tập 1 nhé.* |  |
| **Bài 1.** Số? (4 - 5 ’)/ **M**  **-** GV yêu cầu HS đọc thầm và nêu yêu cầu BT1.  - Em hãy nêu tên các thành phần trong phép trừ.  - Chữa miệng  ? Bài 1 củng cố cho em kiến thức gì.  *- GV chốt: Qua BT1 đã củng cố cho các em tên gọi các thành phần trong phép trừ, đó là: SBT, ST và Hiệu. Các em hãy ghi nhớ để làm bài tâp cho tốt nhé. Chúng ta cùng chuyển sang BT2.*  **Bài 2:** Số? ( 4-6’)**/ PBT**  - Đọc thầm và nêu yêu cầu bài tập số 2.  + Em có nhận xét gì về các ô trống cần điền?  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, làm PBT, sau đó trao đổi nhóm đôi.  - GV giúp HS soi bài lên màn hình  - GV chấm Đ, S  -> Em vận dụng kiến thức nào để làm bài?  **🡪 *GV chốt: Cô khen các em đã biết vận dụng làm bài đúng, vừa cùng nhau chia sẻ rất tốt nội dung bài 2, nắm chắc và tìm nhanh hiệu khi biết SBT, ST. Chúng ta chú ý tên gọi các thành phần trong phép trừ ngang hay dọc đều như nhau.***  **Bài 3/BC**: (5 - 6’) Chúng ta sang tiếp bài số 3  - GVHDHS nắm vững yêu cầu bài.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài yêu cầu gì?  - Để tính hiệu, em thực hiện phép tính gì?  - GVHD mẫu – GV đưa lên màn hình    - G viết mẫu trên bảng và phân tích mẫu: *Cô có SBT là 68, ST là 25. Cô viết số 68 ở hàng trên, sau đó cô viết 25 ở hàng dưới sao cho hàng đv thẳng với hàng đv, hàng chục thẳng với hàng chục. Cô viết dấu trừ ở giữa hai số. Cô kẻ gạch ngang thay cho dấu bằng. Cô thực hiện phép tính từ phải qua trái: 8 - 5 = 3, viết 3; 6 - 2 = 4 viết 4. Vậy: 68 - 25 = 43.*  - Tương tự mẫu các em hãy thực hiện BT3 vào bảng con.  ***(GV gõ 1 tiếng thước bắt đầu - quan sát và gõ 1 tiếng thước kết thúc, HS giơ bảng - GV quan sát, chọn bảng đúng - GV gõ 1 tiếng thước để HS hạ bảng - quan sát chữa bài).***  - GV chấm Đ, S  - Em hãy nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính 85 - 52  - Hãy cho cô biết các thành phần của phép trừ 85 - 52 = 33  ? 85 – 52 được gọi là gì?  - GV nhận xét  ? Trong phép tính 76 - 34 = 42 ; số 76 và 34 được gọi là gì?  - Trong phép tính 76 - 34 = 42, đâu là hiệu?  ? Khi đặt tính và tính hiệu, em cần chú ý điều gì?  => *Chốt: Khi làm tính trừ theo cột dọc, các em cần lưu ý: viết số thẳng cột, thực hiện tính từ phải sang trái. BT3 đã củng cố cho các em cách đặt tính rồi tính hiệu khi biết SBT và ST rồi đấy. Chúng ta cùng hoàn thành bài tập cuối cùng nhé.*  **Bài 4: (5-7’)/PBT/N2**  **-** GV cho HS đọc bài tập 4  - GV HDHS tìm hiểu yêu cầu bài:  ***+ Bài toán cho biết gì?***  ***+ Bài toán hỏi gì?***  ***- G yêu cầu H làm phiếu bài tập***  *- GV nhận xét: Cô thấy bạn làm bài rất đúng, số viết rõ ràng, sạch, đẹp và giải thích bài làm của mình rất tốt. Bao nhiêu bạn làm đúng như thế này. Cô khen cả lớp mình.*  *- G: Qua BT4 đã củng cố cho các em cách tìm hiệu trong bài toán có lời văn. Các em cần ghi nhớ dạng toán để làm bài tập cho đúng nhé.*  *Cô trò chúng mình đã hoàn thành cả 4 bài tập rồi đấy.*  **4. Củng cố, dặn dò (1 - 2’)**  - Hôm nay, em đã học những nội dung gì?  *Qua tiết học ngày hôm nay, cô thấy các em đã biết HS nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ. Tính được hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.*  *Có có lời khen đến lớp mình. Giờ học chúng ta đến đây là kết thúc. Xin chân thành cảm ơn các thầy cô đã về dự giờ lớp 2C hôm nay.*  *(Lớp trưởng điều hành chào)* | - HS đọc thầm  - HS nêu yêu cầu  - HS nêu tên các thành phần trong phép trừ.  - HS làm bài vào SGK  -Qua bài tập 1 cho em biết tên gọithành phần trong phép trừ đó là: SBT, ST và Hiệu.  - HS đọc thầm  - HS nêu yêu cầu  - Các ô trống đều là hiệu  - HS làm việc cá nhân, điền vào PBT, trao đổi nhóm đôi với bạn  - **HS** soi bài, chia sẻ: *Nhận xét bài làm của tớ.*  - Gọi 1 bạn trả lời.  - *Tôi muốn nghe ý kiến của bạn khác?..... Tôi mời bạn Hà*  **- HS1** hỏi: Tại sao ở ô trống thứ 2 bạn điền số 50?  ->**:** *Vì tớ lấy số bị trừ là 90 trừ đi số trừ là 40 thì tìm được hiệu bằng 50.*  **-** *Còn bạn nào có ý kiến khác không? ….. Tôi mời bạn Dương.*  - **H2** hỏi: Ở ô trống thứ 3 yêu cầu tìm gì  -> *Ở ô trống thứ 3 yêu cầu tìm Hiệu.*  - **H** hỏi: Muốn tìm hiệu bạn làm như thế nào?  **->** *Muốn tìm Hiệu tớ lấy SBT - ST.*  - Còn bạn nào có ý kiến khác không?  **-** *Bài làm của em đã chia sẻ xong, em mời cô nhận xét.*  - *Em vận dụng kiến thức tìm Hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.*  - H nêu yêu cầu bài 3  - HS nêu: Bài toán cho biết SBT, ST  - Tính hiệu.  - Phép trừ.  - HS làm bài vào BC  - HS chia sẻ bài.  - H nêu:  - H: **+** 85 là SBT, 52 là ST, 33 là hiệu  **+** 85 – 52 được gọi là hiệu  - H: Trong phép tính 76 - 34 = 42; số 76 là SBT và 34 là ST  + 42 là hiệu  + 76 - 34 là hiệu.  **+** Khi đặt tính và tính hiệu, em cần chú ý SBT đặt ở hàng trên, ST đặt hàng dưới sao cho các chữ số thẳng cột. Thực hiện theo thứ tự từ phải sang trái.  - HS đọc thầm đề toán bài 4.  ***+ Trong bến có 15 ô tô, có 3 xe rời bến.***  ***+ Hỏi còn lại mấy ô tô trong bến.***  - HS làm PBT, làm xong đổi k.tra  **- HS** soi bài, chia sẻ**:** ***Đây là bài làm của tôi, mời các bạn nhận xét***  + H1: Bài bạn làm đúng, tôi cũng làm giống bạn.  **H:** ***Tôi cảm ơn bạn. Mời bạn khác cho ý kiến. Tôi mời bạn Sơn.***  -> Tại sao để tìm số ô tô còn lại, bạn lại làm phép tính 15 - 3 = 12?  ***-*** *Vì lúc đầu* *trong bến có 15 ô tô, có 3 xe rời bến, tôi lấy ô tô trong bến là 15 trừ đi số xe rời bến là 3 sẽ tìm được ô tô còn lại trong bến là 12.*  **-** *Còn bạn nào có ý kiến khác không? ….. Tôi mời bạn Đăng.*  - Trong phép tính: 15 - 3 = 12, số 15 được gọi là gì?  - Trong phép tính: 15 - 3 = 12, số 15 được gọi SBT.  **-** *Tôi xin mời bạn khác cho ý kiến... Tôi mời bạn ….*  -> Trong phép tính: 15 - 3 = 12, số 12 được gọi là gì?  - Trong phép tính: 15 - 3 = 12, số 12 được gọi là Hiệu.  -> Để làm bài toán này, bạn vận dụng kiến thức gì?  Tôi vận dụng kiến thức tìm hiệu khi biết SBT và ST.  Còn bạn nào có ý kiến khác không?... Phần trình bày của em đã kết thúc, em mời cô nhận xét.  - H nêu:  + HS nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.  + Tính được hiệu khi biết số bị trừ và số trừ. |